

Số: /BC-MNHN

Nậm Nèn, ngày 30 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Huỗi Mí

2. Địa chỉ: Bản Huỗi Mí 2, xã Nậm Nèn, tỉnh Điện Biên.

Số điện thoại:

Địa chỉ thư điện tử: mnhuoimi.muongcha@dienbien.edu.vn

Cổng hoặc trang thông tin điện tử <https://mnhuoimi.muongcha.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập Cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: UBND xã Nậm Nèn.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của đơn vị

* Sứ mệnh: Trường mầm non Huỗi Mí phấn đấu xây dựng trở thành một ngôi trường hạnh phúc cho tất cả cán bộ CBGVNV và các cháu học sinh, nơi tất cả mọi thành viên đều cảm nhận được niềm vui, sự bình an để từ đó phát huy cao nhất khả năng của mỗi người, nơi tình yêu thương được chia sẻ để thắp sáng mơ ước của mỗi học sinh ươm mầm non tương lai của đất nước, nơi các giáo viên được yêu thương để đồng hành cùng nhau phát triển nhà trường, trao yêu thương đến học sinh và khẳng định giá trị của bản thân, trở thành những nhà giáo tâm huyết và sáng tạo.

Đạy học lấy trẻ làm trung tâm, hướng tới sự phát triển toàn diện, giúp trẻ rèn luyện phẩm chất năng lực cần thiết để tự nhận thức, tăng cường khả năng thích nghi với sự biến đổi của môi trường và sự phát triển của xã hội. Tạo nhiều cơ hội cho trẻ khám phá thế giới xung quanh để tiếp thu kiến thức, kỹ năng và trải nghiệm thực tế tạo nên một thế hệ trẻ thể lực khỏe mạnh, trí tuệ thông minh, nhân cách hoàn thiện. Tạo dựng một đội ngũ giáo viên đạo đức, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, tích cực đổi mới sáng tạo không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục trẻ toàn diện. Chủ động gắn kết và phát huy vai trò của cha mẹ và người nuôi dưỡng trẻ tích cực hỗ trợ phối kết hợp với nhà trường phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

* Tầm nhìn: Trường mầm non Huỗi Mí phấn đấu xây dựng nhà trường phát triển theo hướng đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục, không ngừng nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Nhà trường hướng tới việc xây dựng môi trường giáo dục Xanh – An toàn – Thân thiện – Hạnh phúc, tôn trọng sự khác biệt và phát huy tố chất riêng của mỗi trẻ; giúp trẻ phát triển hài hòa về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, kỹ năng sống và khả năng giao tiếp tiếng Việt, tạo nền tảng vững chắc cho trẻ sẵn sàng bước vào bậc tiểu học và phát triển trong tương lai.

* Mục tiêu giáo dục mầm non

Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học suốt đời.

Xây dựng trường học hạnh phúc, uy tín, chất lượng. Nơi phụ huynh, học sinh tin cậy. Một chiếc nôi rèn luyện để giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên. Ổn định về chất lượng: Môi trường học tập tốt nhất cho trẻ; Đáp ứng sự mong đợi của Quý phụ huynh học sinh; Thỏa mãn sự phát triển tự nhiên của trẻ; Tạo dựng tính tự lập cho trẻ; Định hướng cho trẻ có thói quen tốt trong nếp sống và sinh hoạt; Liên tục nâng cao kết quả nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ bền vững.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của đơn vị

Trường mầm non Huổi Mí được thành lập từ trường tiểu học Huổi Mí theo Quyết định số 525/QĐ-UBND của ủy ban nhân dân huyện Mường Chà ngày 05 tháng 06 năm 2007.

Nhà trường gồm có: 01 Trường chính và 12 điểm trường lẻ được đặt tại trung tâm của các bản, thuận lợi cho trẻ đến trường, đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường. Trường chính có diện tích: 2800m²; điểm trường Bản Huổi Mí 1 có diện tích: 672m²; điểm trường Bản Lũng Thàng 1 có diện tích: 889,5 m²; điểm trường Lũng Thàng 2 có diện tích: 882 m²; điểm trường Pa Xoan 1 có diện tích: 203m²; điểm trường Long Tạo có diện tích: 221 m², điểm trường Pa Ít có diện tích: 281m² , Điểm trường Huổi Ít có diện tích: 1106m² , Điểm trường Pa Xoan 2 có diện tích: 662m², điểm trường Huổi Xuân có diện tích 524m².

Trường có 28 phòng học trong đó 14 phòng kiên cố, 8 phòng bán kiên cố, 06 phòng học tạm, 4 phòng chức năng. Trường chính và một số điểm trường các phòng học đều được thiết kế xây dựng theo kiên cố và bán kiên cố, một số điểm được đầu tư hệ thống trang thiết bị đáp ứng cho công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định điều lệ trường mầm non

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, trường Mầm non Huổi Mí không ngừng nỗ lực hoàn thiện, nâng cao chất lượng dạy và học, chất lượng cơ sở vật chất để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của sự nghiệp giáo dục. Nhà trường đang nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ từ 24 tháng đến 72 tháng tuổi, thực hiện tốt các nhiệm vụ từng năm học và cả giai đoạn phát triển giáo dục. Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý vững vàng, giáo viên có trình độ đạt trên chuẩn. Tập thể nhà trường đoàn kết, thống nhất, có tinh thần trách nhiệm, được nhân dân trên địa bàn và phụ huynh học sinh tin tưởng. Nhiều năm liền trường đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến được Ủy ban nhân dân huyện Mường Chà, tặng Giấy khen.

Trường thực hiện theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Năm học 2025-2026, trường có 630 học sinh từ 24 tháng đến 72 tháng tuổi, gồm có 10 nhóm Nhà trẻ và 18 lớp Mẫu giáo.

Nhóm, lớp	Số nhóm, lớp	Số học sinh	Số giáo viên	Nhân viên nuôi dưỡng
Nhóm trẻ 24 th -36 th	10	218	15	2
Lớp MG	18	412	21	3
Riêng trẻ 5 tuổi	12	142	14	
Tổng cộng	28	630	36	5

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Người đại diện: Lâm Thị Chính, chức vụ Hiệu trưởng, số ĐT: 0917555475; địa chỉ thư điện tử : chinhlt.mnhuoiimi.muongcha@dienbien.edu.vn

Địa chỉ nơi làm việc: Trường mầm non Huổi Mí, xã Nậm Nèn, tỉnh Điện Biên

7. Tổ chức bộ máy

a) Trường mầm non Huổi Mí được chia thành lập chia tách từ trường tiểu học Huổi Mí theo Quyết định số 525/QĐ-UBND của ủy ban nhân dân huyện Mường Chà ngày 05 tháng 06 năm 2007.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường: Số: 46/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 của UBND xã Nậm Nèn về việc bổ sung kiện toàn Hội đồng trường cấp mầm non xã Nậm Nèn, nhiệm kỳ 2021-2026.

Danh sách Hội đồng trường Mầm non Huổi Mí:

1. Lâm Thị Chính	Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng
2. Phạm Thế Kiên	Phó Chủ tịch UBND xã Nậm Nèn	Thành viên
3. Hà Thị Huệ	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
4. Lò Thị Hồng	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
5. Cà Thị Pâng	Tổ trưởng chuyên môn mẫu giáo	Thành viên
6. Tòng Thị Hoài	Tổ trưởng tổ nhà trẻ	Thành viên
7. Trần Thị Ánh Tuyết	Bí thư Đoàn TNCSHCM	Thành viên
8. Giàng A Tinh	Tổ trưởng tổ văn phòng	Thành viên
9. Sùng A Dơ	Trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh	Thành viên

c. Quyết định bổ nhiệm: Hiệu trưởng: Lâm Thị Chính Quyết định số 2943/QĐ-UBND ngày 16/08/2016 của UBND huyện Mường Chà về việc bổ nhiệm viên chức quản lý;

Quyết định bổ nhiệm lại: Hiệu trưởng: Lâm Thị Chính Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 07/08/2025 của UBND xã Nậm Nền về việc bổ nhiệm viên chức quản lý;

Quyết định bổ nhiệm: Hiệu trưởng: Lâm Thị Chính Quyết định số 2943/QĐ-UBND ngày 16/08/2016 của UBND huyện Mường Chà về việc bổ nhiệm viên chức quản lý;

Quyết định bổ nhiệm lại: Phó hiệu trưởng: Lò Thị Hồng quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 của UBND huyện Mường Chà về việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý;

Quyết định bổ nhiệm lại: Phó hiệu trưởng: Lò Thị Hồng quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 07/08/2025 của UBND xã Nậm Nền về việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý;

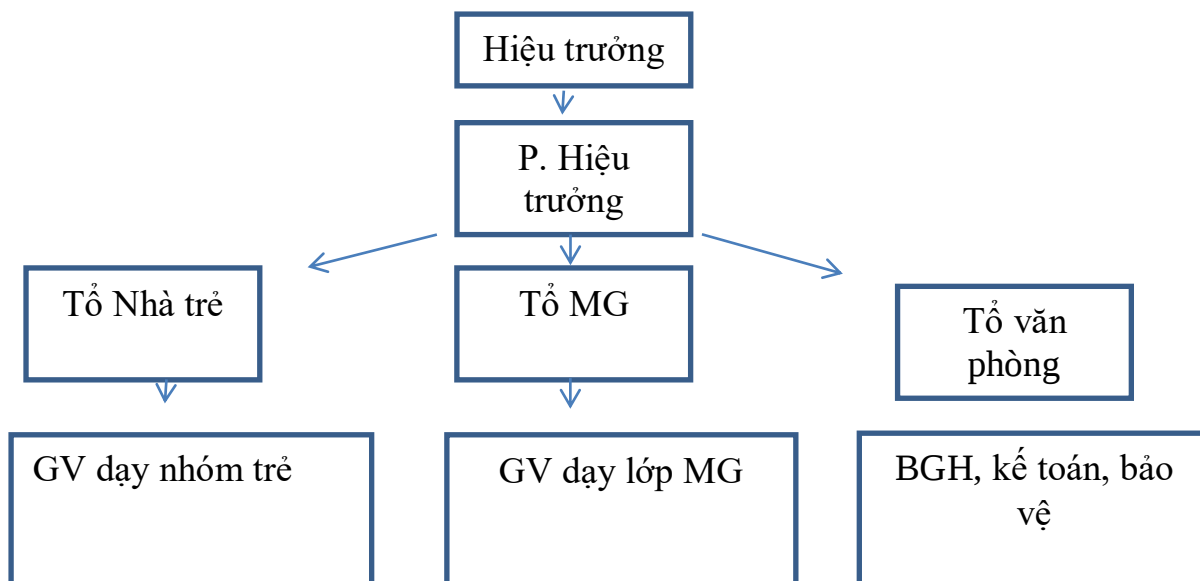
Phó hiệu trưởng Hà Thị Huệ Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 UBND huyện Mường Chà Quyết định về việc bổ nhiệm viên chức quản lý;

Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 07/08/2025 của UBND xã Nậm Nền về việc bổ nhiệm lại viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên

Quyết định số 39/QĐ-MNHN ngày 15/9/2025 của trường Mầm non Huổi Mí về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Mầm non Huổi Mí.

e) Sơ đồ tổ chức bộ máy của trường Mầm non Huổi Mí.



8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục: Kế hoạch số 22 /KH-MNHN ngày 26/4/2021 của trường Mầm non Huồi Mí về Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030;

Quy chế dân chủ ở cơ sở: Quyết định số 01/QĐ-MNHN ngày 03/01/2025 của trường Mầm non Nậm Nèn về việc ban hành Quy chế dân chủ trong hoạt động nhà trường;

Các nghị quyết của hội đồng trường (hồ sơ hội đồng trường);

Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính: Quyết định số 01/QĐ-MNHN ngày 04/01/2025 của trường Mầm non Huồi Mí ban hành Quy chế Chi tiêu nội bộ thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp công lập năm 2025;

Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục: Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non; số 173/TB-VPCP ngày 22/4/2024 kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Phiên họp của Ủy ban Quốc gia Đổi mới giáo dục và đào tạo về “Đổi mới, phát triển giáo dục mầm non đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII "Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3 đến 5 tuổi"); Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại nhà trường gồm 47 người (Biên chế 40, hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP: 02, hợp đồng thời vụ: 05), trong đó:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	2	1	0	0	2	
Giáo viên	36	35	34	0	06	30	
Nhân viên	7	5	7	6	0	1	
Cộng	47	43	45	6	06	34	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Stt	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng học	28	- Nhà trẻ: 21,8 trẻ/phòng - Mẫu giáo: 22,9 trẻ/phòng
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	14	
2	Phòng học bán kiên cố	8	
3	Phòng học tạm	06	
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường	12	
IV	Tổng diện tích sử dụng toàn trường (m²)	4.189,1 m ²	14,1 m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1.374 m ²	4,6m ² /trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	70m ²	7,4m ² / 1trẻ
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	45m ²	1,2m ² /1 trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	0
3	Diện tích hiên chơi (m ²)	8m ²	0,37m ² /trẻ
4	Diện tích phòng giáo dục thể chất	21m ²	0,086m ² /trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng	65 m ²	0.8 m ² /trẻ
6	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	153,3 m ²	
7	Phòng nhân viên	23,6 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	18	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	10	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	9	
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy in, máy ảnh kỹ thuật số ...)		
1	Máy vi tính	3	(2 xách tay, 1 máy cây)
2	Máy chiếu	4	
3	Máy in	4	
4	Bảng tương tác	0	
5	Ti vi	1	
6	Máy photo, scan	1	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác	0	

1	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)		2			
2	Bàn, ghế đúng quy cách		28			
	Bàn học sinh		157			
	Ghế học sinh		630			
	Bàn giáo viên		28			
	Ghế giáo viên		28			
3	Thiết bị khác (Âm thanh ngoài trời)					
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho GV	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vs					
					Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh				x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)				x	
XIV	Kết nối Internet (ADSL)				x	
XV	Trang thông tin điện tử (Website) của cơ sở giáo dục				x	
XVI	Tường rào xây				x	

Hằng năm nhà trường được mua bổ sung các thiết bị dạy học ngoài danh mục đáp ứng hoạt động giáo dục trẻ.

100% các nhóm, lớp làm đồ dùng, đồ chơi đảm bảo tính giáo dục, an toàn, bền đẹp phục vụ cho các hoạt động giáo dục được lựa chọn theo quy định thông tư 47/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Thực hiện khai thác và đưa vào sử dụng, thường xuyên có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường Mầm non Huổi Mí hiện đang triển khai các hoạt động chuẩn bị và phấn đấu đạt kiểm định chất lượng giáo dục và trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

Trong năm học 2025–2026, nhà trường tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện công tác tự đánh giá, xây dựng và hoàn thiện hệ thống hồ sơ minh chứng; từng bước đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Đồng thời, nhà trường tiến hành rà soát các tiêu chí, chỉ số theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, xác định rõ những tiêu chí còn hạn chế để xây dựng kế hoạch cải tiến phù hợp.

Nhà trường phấn đấu thực hiện đúng quy trình, lộ trình đánh giá chất lượng giáo dục, từng bước đáp ứng các yêu cầu của kiểm định chất lượng và

trường chuẩn quốc gia, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng giáo dục và vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc đảm bảo và cải tiến chất lượng giáo dục.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

** Chất lượng chăm sóc:*

- Tổ chức ăn bán trú tại trường cho 630/630 trẻ đạt 100%, xây dựng thực đơn theo mùa và chế độ ăn cho trẻ tại trường được bảo đảm dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Phối kết hợp với trạm y tế xã khám, phát thuốc theo định kì, phòng chống bệnh dịch, tuyên truyền trẻ đủ điều kiện tiêm phòng dịch.

- Làm tốt công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh đồ dùng, đồ chơi ở các lớp.

- 100% trẻ được theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng và khám sức khỏe định kỳ, kết quả

Trẻ cân nặng bình thường: 599/630 đạt 95%

Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 31/630 tỷ lệ: 5%

Trẻ chiều cao bình thường: 599/630 đạt 95%

Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi: 31/630 tỷ lệ: 5%

Trẻ thừa cân béo phì 01/630 tỷ lệ 0,1

** Chất lượng giáo dục:*

+ Bé khỏe: 599/630 cháu đạt 95%

+ Tổng số đạt bé ngoan: 610/630 cháu đạt 96,8%

+ Tổng số đạt bé sạch: 610/630 cháu đạt 96,8%

+ Tổng số đạt bé chăm: 610/630 cháu đạt 96,8%

+ Kết quả đánh giá trẻ theo mục tiêu cuối tuổi độ: số trẻ đạt từ 70% các mục tiêu trở lên: 630/630 trẻ đạt 100%, số trẻ đạt dưới 70% các mục tiêu: 0 trẻ. Trẻ hoàn thành CT GDMN 130/130 trẻ, tỷ lệ 100%.

**Kết quả các hội thi*

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Nhà trường thực hiện lập dự toán thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định; định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản, lưu trữ chứng từ thu, chi, quyết toán đầy đủ và công khai. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và các quy định hiện hành. Làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc, giáo dục. Ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài sản và các hoạt động trong nhà trường. Không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí: **4.339.074.239đ** (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...) 2.847.256.526đ; chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...) 240.080.913đ; chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...) 1.251.736.800đ; chi khác.

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm:

- Học phí: Thực hiện thu theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định mức học phí năm học 2022-2023 và mức học phí từ năm học 2023-2024 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Tổng số học phí thu năm 2025 là: 5.334.000đ.

- Lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển thực hiện theo: Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 22/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Công văn số 2056/SGDĐT-KHTC, ngày 22/8/2023 của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên về hướng dẫn thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục năm học 2023-2024; Căn cứ Công văn số 648/PGDĐT-TV, ngày 12/9/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Chà về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu trong nhà trường năm học 2023-2024. Mức ăn bán trú 160.000đ/tháng/học sinh (nhà trẻ 1 bữa chính và 01 bữa phụ; mẫu giáo 1 bữa chính và 01 bữa phụ).

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách năm 4 tháng cuối năm 2025 về trợ cấp: Thực hiện theo Nghị định số 105/2020/NĐ - CP ngày 08/9/2020 quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non. Hỗ trợ ăn trưa số tiền: 590.560.000đ; Thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP: Hỗ trợ ăn trưa trẻ nhà trẻ: 307.800.000đ; Nghị định 238/ 2025/NĐ-CP Hỗ trợ CPHT số tiền: 672.455.000đ; Khuyết tật: 43776.000đ; Cấp bù học phí: 672.455.000đ.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Huy động số học sinh ra lớp đạt chỉ tiêu cấp trên giao.

- Trường đạt Tập thể lao động tiên tiến, được UBND huyện công nhận, theo Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của UBND huyện Mường Chà về việc khen thưởng thành tích trong thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2024-2025 cho tập thể, cá nhân thuộc ngành giáo dục;

Có 31/40 cá nhân đạt LĐTĐ được UBND huyện công nhận, theo Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của UBND huyện Mường Chà về việc

khen thưởng thành tích trong thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2024-2025 cho tập thể, cá nhân thuộc ngành giáo dục;

Có 07 cá nhân đạt CSTĐ được UBND huyện công nhận, theo Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của UBND huyện Mường Chà về việc tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” năm học 2024-2025.

Có 11 cá nhân được UBND huyện tặng giấy khen, theo Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của UBND huyện Mường Chà về việc khen thưởng thành tích trong thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2024-2025 cho tập thể, cá nhân thuộc ngành giáo dục.

Có 01 cá nhân được UBND tỉnh tặng bằng khen theo Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 QĐ vv khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 -2025 cho các tập thể, cá nhân thuộc huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Chi bộ: Hoàn thành tốt nhiệm vụ, theo Quyết định số 86-QĐ/ĐU ngày 26/12/2023 của Đảng ủy xã Nậm Nèn về việc công nhận Chi bộ HTTNV, HTTNV, HTNV năm 2023;

Có 02 cá nhân được Đảng ủy xã tặng giấy khen, theo Quyết định số 48-QĐ/ĐU ngày 29/12/2024 của Đảng ủy xã Huổi Mí về việc khen thưởng cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng Đảng năm 2024;

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lâm Thị Chính